

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN
Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày: 24/7/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Xuân;
Bà Doãn Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Dương Xuân Hổ và ông Trần Đức Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-HS, ngày 28/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 28/6/2024 đối với bị cáo: Hứa Minh T (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 04/12/1982 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT: T, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở: Tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Á L (đã chết) và bà Nông Thị K, sinh năm 1942; vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1984 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/02/1998 bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính 50.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 27, ngày 12/02/1998. Đã chấp hành nộp phạt ngày 17/12/1998; Ngày 25/4/2013, bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 23, ngày 25/4/2013, đã chấp hành nộp phạt ngày 04/7/2013. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phùng Chi T1, sinh năm 1976, trú tại: Tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1977, trú tại: Tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Lý Văn L1, sinh năm 1980, trú tại: T, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.
Vắng mặt tại phiên tòa;
4. Phan Đình T2, sinh năm 1984, trú tại: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;
5. Nông Đình Đ, sinh năm 1997, trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;
6. Hứa Tiến D, sinh năm 1983, trú tại: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.
Vắng mặt tại phiên tòa;
7. Lý Quang T3, sinh năm 1992, trú tại: Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;
8. Hoàng Văn C1, sinh năm 2000, trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;
9. Bàn Quang H1, sinh năm 1995, trú tại: Tiểu khu T, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;
10. Hoàng Thị H, sinh năm 1984, trú tại: Tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;
11. Hoàng Thị M, sinh năm 1961, trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa;
12. Hoàng Thế Đ1, sinh năm 1977, trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt tại phiên tòa;
13. Đàm Minh T4, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh B nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung: Tại nhà Hứa Minh T, có nhiều người tụ tập, nghi vấn T đang nhận tiền lãi của người vay, có biểu hiện cho vay tiền thu lãi suất cao trái quy định. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan CSĐT đã phối hợp với Công an huyện N và chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tin nêu trên. Đến hồi 11 giờ 50 phút cùng ngày, phát hiện T đang nhận tiền gốc và tiền lãi của ông Phan Đình T2, tại thời điểm T nhận tiền của ông T2 có ông Lý Quang T3, sinh năm 1992, trú tại tiểu khu B, thị trấn V, huyện N cũng có mặt tại nhà T và chứng kiến sự việc nêu trên. Căn cứ tài liệu thu thập được, Cơ quan CSĐT đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với T. Kết quả thu được nhiều giấy tờ, tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay tiền thu lãi suất cao trái quy định.

Qua điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023, [Hứa Minh T](#) cho 05 người vay tiền với lãi suất từ 105,6% đến 182,5%/năm, cao gấp 5,2 lần đến 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền cho vay là 127.000.000 đồng, trong đó: Số tiền gốc người vay đã trả là 38.000.000 đồng; số tiền gốc người vay chưa trả là 89.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu của người vay là 153.440.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 127.803.199 đồng, cụ thể:

1) Đối với ông [Phùng Chí T5](#): Ngày 26/01/2022, [Hứa Minh T](#) cho ông [T5](#) vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi ông [T5](#) phải trả là 6.000.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất là 120%/năm. Từ tháng 02/2022 đến tháng 01/2023, [T](#) đã thu của ông [T5](#) tổng số tiền lãi là 72.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 60.000.000 đồng. Đến ngày 20/01/2023, ông [T5](#) trả cho [T](#) 20.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ tiền gốc là 40.000.000 đồng và thỏa thuận tiền lãi ông [T5](#) phải trả là 4.000.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất là 120%/năm. Từ tháng 02/2023 đến tháng 10/2023, [T](#) đã thu của ông [T5](#) tổng số tiền lãi là 36.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng. Từ tháng 11/2023 đến nay, ông [T5](#) chưa trả thêm cho [T](#) khoản tiền nào và còn nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Như vậy, đối với khoản vay này, [T](#) đã thu của ông [T5](#) tổng số tiền lãi là 108.000.000 đồng tiền lãi, trong đó thu lợi bất chính tổng số tiền là 90.000.000 đồng;

2) Đối với ông [Nguyễn Văn C](#): Ngày 18/02/2022, [Hứa Minh T](#) cho ông [C](#) vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 2.000.000 đồng/tháng, tương đương với lãi suất là 120%/năm. Từ tháng 3/2022 đến tháng 3/2023, [T](#) đã thu của ông [C](#) tổng số tiền lãi là 26.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền là 21.666.667 đồng. Đến ngày 03/4/2023, ông [C](#) trả cho [T](#) 10.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ số tiền gốc là 10.000.000 đồng và thỏa thuận tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng, tương đương với lãi suất là 120%/năm. Từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023, [T](#) đã thu của ông [C](#) tổng số tiền lãi là 8.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính tổng số tiền 6.666.667 đồng. Từ tháng 11/2023, ông [C](#) chưa trả thêm cho [T](#) khoản tiền nào và còn nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng. Như vậy, đối với khoản vay này [T](#) đã thu của ông [C](#) tổng số tiền lãi là 34.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền là 28.333.334 đồng;

3) Đối với ông [Lý Văn L1](#): Ngày 25/7/2023, [Hứa Minh T](#) cho ông [L1](#) vay số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 2.200.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất 105,6%/năm. Khi vay, ông [L1](#) cầm cố 01 xe mô tô Honda Winner, biển kiểm soát 97B2-084.94. Từ tháng 08/2023 đến tháng 11/2023, [T](#) đã thu của ông [L1](#) tổng số tiền lãi là 8.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 7.133.334 đồng. Hiện nay, ông [L1](#) chưa trả tiền nợ gốc cho [T](#);

4) Đối với ông [Phan Đình T2](#): Ngày 08/12/2023, [Hứa Minh T](#) cho ông [T2](#) vay số tiền 8.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 40.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất là 182,5%/năm. Khi vay, ông [T2](#) cầm cố 01 xe mô tô Honda Blade,

biển kiểm soát 97B2-121.22. Đến ngày 23/12/2023, ông T2 đã trả cho T toàn bộ số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng, T đã thu của ông T2 số tiền lãi là 640.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 569.864 đồng;

5) Đối với ông Nông Đình Đ2: Ngày 04/8/2023, Hứa Minh T cho ông Đ2 vay số tiền 14.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 2.000.000 đồng/tháng tương đương với lãi suất 171,43%/năm. Khi vay, ông Đ2 cầm cố 01 xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 97B2-065.15. T đã thu của ông Đ2 01 tháng tiền lãi tháng 8, tương ứng với số tiền 2.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 1.766.667 đồng. Sau đó, ông Đ2 không trả tiền lãi cho T, hiện nay ông Đ2 chưa trả tiền nợ gốc. Như vậy, đối với khoản vay này, mặc dù T chưa thu được tiền lãi của ông Đ2 trong các tháng 9, 10, 11/2023. Tuy nhiên, đã phát sinh số tiền lãi hướng đến là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính T hướng đến là 5.300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính mà Hứa Minh T đã thu được của những người nêu trên là 127.803.199đ (một trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi chín đồng).

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn xác định: Trong tháng 12/2023, Hứa Minh T cho 04 người vay tiền với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, tổng số tiền cho vay là 33.000.000 đồng. Tuy nhiên, T chưa thu được tiền lãi của người vay do chưa hết thời hạn vay thì bị phát hiện, người vay cũng chưa trả tiền gốc cho T, cụ thể:

1) Đối với ông Hứa Tiến D: Ngày 28/11/2023, Hứa Minh T cho ông D vay số tiền 8.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 40.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/năm. Khi vay, ông D cầm cố 01 xe mô tô Honda Air Blade, biển kiểm soát 97B1-341.91. Ông D chưa trả tiền lãi và tiền nợ gốc. Đối với khoản vay này, từ ngày vay đến ngày bị phát hiện là 25 ngày, do đó số tiền lãi hướng đến là 1.000.000 đồng, thu lợi bất chính hướng đến là 890.411 đồng;

2) Đối với ông Lý Quang T3: Ngày 06/12/2023, Hứa Minh T cho ông T3 vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 50.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Khi vay, ông T3 có để lại 02 giấy đăng ký xe mô tô gồm 97B1-067.05 và 97B1-607.60 cùng thẻ căn cước công dân của bản thân. Ông T3 chưa trả tiền lãi và tiền nợ gốc cho T. Đối với khoản vay này, từ ngày vay đến ngày bị phát hiện là 17 ngày, do đó số tiền lãi hướng đến là 850.000 đồng, thu lợi bất chính hướng đến là 756.850 đồng;

3) Đối với ông Hoàng Văn C1: Ngày 20/12/2023, Hứa Minh T cho ông C1 vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 25.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/năm. Khi vay, ông C1 cầm cố 01 xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 97B1-715.33. Ông C1 chưa trả tiền lãi và tiền nợ gốc cho T. Khoản vay trên, ông C1 để bạn là Lý Văn H2, sinh năm 2000, trú tại thôn K, xã C, huyện N đứng tên thay. Đối với khoản vay này, từ ngày vay đến ngày bị phát hiện là 03

ngày, do đó số tiền lãi hướng đến là 75.000 đồng, thu lợi bất chính hướng đến là 66.781 đồng;

4) Đối với ông [Bàn Quang H1](#): Ngày 21/12/2023, [Hứa Minh T](#) cho ông [H1](#) vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 50.000 đồng/ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/năm. Khi vay, ông [H1](#) cầm cố 01 xe mô tô Yamaha, biển kiểm soát 97B2-087.17. Ông [H1](#) chưa trả tiền lãi và tiền nợ gốc cho [T](#). Đối với khoản vay này, từ ngày vay đến ngày bị phát hiện là 02 ngày, do đó số tiền lãi hướng đến là 100.000 đồng, thu lợi bất chính hướng đến là 89.042 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính mà [Hứa Minh T](#) hướng tới của những người nêu trên là 7.103.084đ (bảy triệu, một trăm linh ba nghìn, không trăm tám mươi tư đồng).

Mặc dù 04 trường hợp nêu trên và trường hợp của ông [Nông Đình Đ2](#), [T](#) chưa thu được tiền lãi từ người vay. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì đây là số tiền thu lợi bất chính mà [T](#) hướng tới và nhằm đạt được, nhưng vì nguyên nhân ngoài ý muốn nên [T](#) chưa thu lợi bất chính được. Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với [T](#) trong vụ án này là: 127.803.199 đồng [T](#) đã thu được của người vay và 7.103.084 đồng [T](#) hướng đến = 134.906.283đ (Một trăm ba mươi tư triệu, chín trăm linh sáu nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng).

Tại Cơ quan điều tra, [Hứa Minh T](#) khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKSBK-P1 ngày 28/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố [Hứa Minh T](#) về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS), điều luật có nội dung:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng

xét xử (HĐXX) xử phạt bị cáo [Hứa Minh T](#) từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, giao bị cáo cho [UBND xã V](#) giám sát giáo dục. Phạt bổ sung bị cáo từ 30 đến 35 triệu đồng; cấm hành nghề cầm đồ trong thời hạn từ 01 đến 02 năm. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023, [Hứa Minh T](#) cho [Phùng Chí T5](#), [Nguyễn Văn C](#), [Lý Văn L1](#), [Nông Đình Đ2](#), [Phan Đình T2](#), [Hứa Tiến D](#), [Lý Quang T3](#), [Hoàng Văn C1](#) và [Bàn Quang H1](#) vay tổng số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), với lãi suất từ 105,6% (một trăm linh năm phẩy sáu phần trăm)/năm đến 182,5% (một trăm tám mươi hai phẩy năm phần trăm)/năm, cao gấp 5,2 lần đến 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. [T6](#) lợi bất chính tổng số tiền 134.906.283đ (một trăm ba mươi tư triệu, chín trăm linh sáu nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng) sau khi đã trừ đi 20% mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trong đó, [T](#) đã thu lợi bất chính số tiền 127.803.199đ (một trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi chín đồng) và hướng đến thu lợi bất chính số tiền 7.103.084đ (bảy triệu, một trăm linh ba nghìn, không trăm tám mươi tư đồng).

Hành vi của bị cáo cho vay tiền với mức lãi suất cao gấp 5,2 lần đến 9,1 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền từ 100 triệu đồng trở lên, đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Việc cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế và hoạt động cho vay tín dụng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn truy tố và chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho những người đi vay và được những người đi vay xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là “*Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”. Ngoài ra, bị cáo còn có ông nội của vợ là ông [Hoàng Văn C2](#) là Liệt sỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ thường phát sinh tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn nhất định và phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc của khoản vay, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người vay tiền trả cho bị cáo, thì bị cáo phải nộp lại, khoản tiền gốc chưa trả thì người vay tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính, do bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền này cho những người đi vay, những người này đều đã có văn bản xác nhận và không yêu cầu giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Đối với khoản tiền lãi 20% theo quy định mà bị cáo đã thu là 25.636.801 đồng, cần buộc bị cáo có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội.

[8] Về xử lý vật chứng:

8.1 Đối với số tiền 261.850.000 đồng tạm giữ của [Hứa Minh T](#) hiện đang bảo quản tại [Kho bạc Nhà nước tỉnh B](#), xử lý cụ thể như sau:

- Số tiền 8.000.000 đồng là tiền gốc ông [Phan Đình T2](#) trả cho [Hứa Minh T](#), cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Số tiền 640.000 đồng là tiền lãi ông [Phan Đình T2](#) trả cho [Hứa Minh T](#), xác định số tiền thu lợi bất chính là 569.864 đồng cần trả lại cho ông [T2](#), tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã trả cho ông [T2](#) số tiền này, do vậy cần trả lại cho bị cáo số tiền trên. Số tiền lãi 20% theo quy định là 70.136 đồng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Số tiền 60.000 đồng là tiền ông [Phan Đình T2](#) trả công đưa đón cho [Hứa Minh T](#), xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo;

- Số tiền 27.000.000 đồng là tiền của bà [Hoàng Thị M](#), là mẹ vợ của [Hứa Minh T](#), nhờ vợ chồng [T](#) cất giữ hộ, cần trả lại cho bà [M](#);

- Số tiền 90.000.000 đồng là tiền phúng viếng khi tổ chức đám tang cho bố đẻ của [Hứa Minh T](#), là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, theo quy định sẽ giữ lại để đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, số tiền còn lại của bị cáo đang bị tạm giữ cũng đảm bảo để thi hành án, nên số tiền này sẽ trả lại cho bị cáo;

- Số tiền còn lại là 136.150.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo;

8.2 Đối với số tiền 23.00.000 đồng do [Bàn Quang H1](#), [Hoàng Văn C1](#) và [Hứa Tiên D](#) nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Kạn, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho những người nộp;

8.3 Đối với số tiền 9.500.000 đồng do [Đàm Minh T4](#) và [Hoàng Thế Đ1](#) nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Kạn. Qua điều tra xác định, khoản vay của ông [T4](#) và ông [Đ1](#) không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do vậy, ông [T4](#) và ông [Đ1](#) nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo, xét thấy cần trả cho bị cáo các khoản tiền trên;

8.4 Đối với 01 điện thoại di động ‘VIVO’ của bị cáo, sử dụng liên lạc, giao dịch trong việc cho vay lãi nặng, xét thấy cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước;

8.5 Đối với 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát (BKS) 97B2-055.99; 01 xe mô tô Honda Wave BKS 97B1-508.19; 01 xe mô tô Honda Wave BKS 97B1-599.18; 01 xe mô tô Honda Winner BKS 97L1-000.55. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của vợ chồng bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho vợ chồng bị cáo;

8.6 Đối với 01 xe mô tô Honda Wave BKS 97B2-065.15, kèm theo giấy đăng ký xe. Quá trình điều tra xác định, là tài sản thuộc sở hữu của ông [Nguyễn Đình Đ2](#) cầm cố cho bị cáo [Hứa Minh T](#) để vay số tiền 14.000.000 đồng. Đến nay, ông [Đ2](#) chưa trả số tiền nợ gốc, do vậy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông [Đ2](#);

8.7 Đối với 01 xe mô tô Honda Winner BKS 97B2-084.94, kèm theo giấy đăng ký xe. Quá trình điều tra xác định, là tài sản thuộc sở hữu của ông [Lý Văn L1](#) cầm cố cho bị cáo để vay số tiền 25.000.000 đồng. Đến nay, ông [L1](#) chưa trả số tiền nợ gốc, do vậy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho ông [L1](#);

8.8 Đối với 01 giấy đăng ký xe BKS 97B1-067.05; 01 giấy đăng ký xe BKS 97B1-607.60 và 01 thẻ căn cước công dân mang tên [Lý Quang T3](#), xác định thuộc sở hữu của ông [Lý Quang T3](#), cần trả lại cho ông [T3](#);

8.9 Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên [Nguyễn Đình Đ2](#), cần trả lại cho ông [Đ2](#); 01 thẻ căn cước công dân mang tên [Lý Văn L1](#), cần trả lại cho ông [L1](#).

[9] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[10] Các nội dung khác của vụ án:

- Đối với [Hoàng Thị H](#) là vợ bị cáo [Hứa Minh T](#). Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định bà [H](#) có cho [T](#) mượn số tài khoản 8604205037966 mang tên [Hoàng Thị H](#) mở tại [ngân hàng N \(A\)](#) để nhận tiền lãi của người vay. Tuy nhiên, bà [H](#) khẳng định chỉ được nhận tiền giúp [T](#), còn nội dung [T](#) nhờ nhận tiền để làm gì, thì bà [H](#) không biết, sau khi nhận tiền bà [H](#) đều rút ra và đưa cho [T](#) nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý là có căn cứ.

- Đối với việc ông [Hoàng Thế Đ1](#) cầm cố xe mô tô Honda Wave BKS 97B1-193.52 để vay số tiền 2.500.000 đồng vào ngày 22/12/2023 và ông [Đàm Minh T4](#) cầm cố xe mô tô Honda Wave BKS 97B2-037.45 để vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 08/12/2023. Qua điều tra xác định, giữa ông [Đ1](#), ông [T4](#) và [Hứa Minh T](#) không thỏa thuận tiền lãi cụ thể, mà chỉ thỏa thuận khi nào đến lấy xe ông [Đ1](#), ông [T4](#) sẽ trả cho [T](#) một khoản tiền. Do đó, Cơ quan điều tra không tiến hành xem

xét xử lý, mà yêu cầu T cam kết không được thu lãi quá quy định của pháp luật, xét thấy là phù hợp.

- Quá trình điều tra, có 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nộp số tiền gốc đã vay của T tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để xin lại xe mô tô và các giấy tờ có liên quan đã cầm cố với T, gồm: Đàm Minh Thảo BÀN Quang H3, Hoàng Văn C1, Hứa Tiến D và Hoàng Thế Đ1. Qua điều tra xác định, việc trả lại tài sản cho các cá nhân nêu trên, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với: Hà Đức C3, Trần Bích V, Lý Quốc H4 và Hoàng Thị Đ3 cư trú trên địa bàn thị trấn V, huyện N; Nông Thị Bích cư trú tại xã Đ, huyện N; H, Nguyễn Anh T7 cư trú trên địa bàn thị trấn N, huyện N; Đặng Lý C4 cư trú trên địa bàn xã T, huyện N; Bé N, Đ Lít cư trú trên địa bàn xã T, huyện N là những người vay tiền với Hứa Minh T. Tuy nhiên, qua xác minh Cơ quan điều tra xác định những người này không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì nên không triệu tập để làm việc được, nên Cơ quan điều tra tách tài liệu, vật chứng chuyển đến Phòng C5 Công an tỉnh B để tiếp tục xác minh làm rõ là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hứa Minh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hứa Minh T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Hứa Minh T 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Cấm bị cáo kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong thời hạn 02 (Hai) năm.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

3.1. Buộc bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền gốc của các khoản vay, cụ thể:

- Bị cáo [Hứa Minh T](#) nộp số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);
- Ông [Phùng Chí T5](#) nộp số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); ông [Nguyễn Văn C](#) nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); ông [Lý Văn L1](#) nộp số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); ông [Nông Đình Đ2](#) nộp số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng); ông [Hứa Tiến D](#) nộp 8.000.000đ (Tám triệu đồng); ông [Lý Quang T3](#) nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); ông [Hoàng Văn C1](#) nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ông [Bàn Quang H3](#) nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

3.2. Buộc bị cáo [Hứa Minh T](#) nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi suất 20% theo mức quy định là 25.636.801đ (Hai mươi năm triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm linh một đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1 Xử lý số tiền 261.850.000đ (Hai trăm sáu mươi một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ của [Hứa Minh T](#) cụ thể như sau:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) là tiền gốc ông [Phan Đình T2](#) trả cho bị cáo;

- Đối với số tiền 640.000đ (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) là tiền lãi ông [Phan Đình T2](#) trả cho bị cáo: Trả lại cho bị cáo số tiền là 569.864đ (Năm trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi tư đồng) và tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi 20% theo quy định là 70.136đ (Bảy mươi nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng);

- Trả cho bà [Hoàng Thị M](#) số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng);
- Trả cho bị cáo [Hứa Minh T](#) số tiền 90.060.000đ (Chín mươi triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng);

- Tạm giữ số tiền 136.150.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo [Hứa Minh T](#).

4.2 Tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng mặt sau màu xanh có chữ ‘VIVO’ đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 02 thẻ SIM gắn trong điện thoại.

4.3 Trả cho bị cáo [Hứa Minh T](#) và bà [Hoàng Thị H](#):

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 97B2-055.99. Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; Nhãn hiệu HONDA; Số loại VISION; Màu sơn: Đỏ nâu; Số máy: JF86E5228745; Số khung: RLHJF5833LZ502581; Dung tích xinh lạnh: 108.2cm³; Năm SX: 2020;

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-508.19. Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; Nhân hiệu HONDA; Số loại WAWE; Màu sơn: Trắng đen bạc; Số máy: HC12E7038345; Số khung: RLHHC1258FY038305; Dung tích xi lanh: 97cm³; Năm SX: 2015 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 97B1-508.19;

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1-599.18. Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; Nhân hiệu HONDA; Số loại WAWE; Màu sơn: Trắng đen bạc; Số máy: HC12E7336164; Số khung: RLHHC1251FY336162; Dung tích xi lanh: 97cm³; Năm SX: 2016 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 97B1-599.18;

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97L1-000.55. Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; Nhân hiệu HONDA; Số loại WINNERX; Màu sơn: Đen vàng; Số máy: KC34E5026840; Số khung: RLHKC4411NY025735; Dung tích xi lanh: 149.1cm³; Năm SX: 2022 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 97L1-000.55.

4.4 Tạm giữ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B2-065.15. Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; Nhân hiệu HONDA; Số loại WAWE RSXFI; Màu sơn: Đỏ đen; Số máy: JA52E0207295; Số khung: RLHJA3859LY103667; Dung tích xi lanh: 109.2cm³; Năm SX: 2020 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 97B2-065.15, để đảm bảo thi hành án cho ông [Nông Đình Đ2](#).

4.5 Tạm giữ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 97B2-084.94. Loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³; Nhân hiệu HONDA; Số loại WINNERX; Màu sơn: Đỏ xanh trắng đen; Số máy: KC 34E1216327; Số khung: RLHKC3717MY104198; Dung tích xinh lanh: 149.1cm³; Năm SX: 2021 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 97B2-084.94, để đảm bảo thi hành án cho ông [Lý Văn L1](#).

4.6 Trả cho ông [Lý Quang T3](#) 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 97B1-067.05; 01 (một) giấy đăng ký xe biển kiểm soát 97B1-607.60 và 01 (một) thẻ căn cước công dân số 006092000489 mang tên [Lý Quang T3](#), cấp ngày 20/4/2021.

4.7 Trả cho ông [Nông Đình Đ2](#) 01 (một) thẻ căn cước công dân số 006097004421 mang tên [Nông Đình Đ2](#), cấp ngày 09/5/2021.

4.8 Trả cho ông [Lý Văn L1](#) 01 (một) thẻ căn cước công dân số 006080000315 mang tên [Lý Văn L1](#), cấp ngày 20/4/2021.

4.9 Tạm giữ các khoản tiền đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho các ông [Bàn Quang H3](#), [Hoàng Văn C1](#), [Hứa Tiến D](#), cụ thể: Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do ông [Bàn Quang H3](#) nộp theo biên lai số 0000040, ngày 08/4/2024; số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do ông [Hoàng Văn C1](#) nộp theo biên lai số 0000102, ngày 24/4/2024; số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) do ông [Hứa Tiến D](#) nộp theo biên lai số 0000103, ngày 25/4/2024.

4.10 Trả cho bị cáo [Hứa Minh T](#) các khoản tiền đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Kạn, cụ thể: Số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) do ông [Đàm](#)

Minh T4 nộp theo biên lai số 0000101, ngày 22/4/2024; Số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) do ông Hoàng Thế Đ1 nộp theo biên lai số 0000105, ngày 03/5/2024.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hứa Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương